TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀLẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 423/2017/QĐST–HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 27 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 706/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 giữa:

1/ Nguyên đơn: Chị Vũ Thị B; cư trú tại khu phố B, phường S, thị xã S1, tỉnh Thanh Hóa.

2/ Bị đơn: Anh Lương Chí K; cư trú tại đường Tr, Phường T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 7, Điều 26; điểm a, khoản 5, điểm a, b, khoản 6, Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18/12/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị B và anh Lương Chí K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị B và anh Lương Chí K thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Các bên thỏa thuận giao hai con chung là Lương Vũ Tường V, sinh ngày 20/01/2015 và Lương Vũ Tuệ N, sinh ngày 15/3/2017 cho

chị Vũ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, anh Lương Chí K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/02 con/01 tháng (ba triệu đồng trên hai con trên một tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2017.

2.3. Về tài sản chung: Các bên xác nhận không có tài sản chung.

2.4. Về nợ chung: Các bên xác nhận không có nợ chung.

2.5. Về án phí: Chị Vũ Thị B thỏa thuận chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004267 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chị B đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp. Đ;
- Chi cục THADS Tp. Đ;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Châu Thạch